

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **60** /TB-LĐLĐĐiện Biên, ngày **14** tháng 3 năm 2025**THÔNG BÁO****Công khai dự toán thu, chi tài chính công đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Điện Biên****Năm 2025***(Số liệu theo Thông báo giao dự toán số 230/TB-TLĐ, ngày 15/01/2025 của Tổng LĐLĐ Việt Nam)**Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Trong đó			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
I	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	10	11.917	5.434	263	-	6.220
1.1	Quỹ đầu tư bằng tiền	10.1	705		8		697
1.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	10.2	6.842	5.434	245		1.163
1.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	10.3	4.370		10		4.360
II	PHẦN THU	20					
2.1	Thu đoàn phí Công đoàn	22	23.451	23.451	-	-	-
	a- Khu vực HCSN	22.01	22.591	22.591			
	b- Khu vực sản xuất kinh doanh	22.02	860	860			
2.2	Thu kinh phí Công đoàn	23	61.282	-	56.838	-	4.444
	a- Khu vực HCSN	23.01	58.822		54.519		4.303
	b- Khu vực xuất kinh doanh	23.02	2.460		2.319		141
	c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS	23.03	-				
2.3	Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ	24	-				
2.4	Các khoản thu khác	25	-	-	-	-	-
	a- Chuyên môn hỗ trợ	25.01	-				
	b- Thu khác	25.02	-				
	CỘNG THU TCCĐ		84.733	23.451	56.838	-	4.444
2.5	Tài chính công đoàn cấp trên cấp	28	62.850	45.962	8.206	-	8.682
	a- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.01	8.682				8.682
	b- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.02	45.962	45.962			
	c- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.01	-				
	d- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.02	8.206		8.206		
2.6	TCCĐ cấp dưới nộp lên	29	21.245		7.035		14.210
2.7	Nhận bàn giao tài chính công đoàn	40	-				
2.8	Các khoản khác tăng nguồn TCCĐ	47	-				
	TỔNG CỘNG THU		168.828	69.413	72.079	-	27.336
III	PHẦN CHI						
3.1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLĐ	31	38.959	34.143	1.330		3.486
3.2	Chi tuyên truyền đoàn viên và NLĐ	32	14.296	11.491	950		1.855

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Trong đó			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
3.3	Chi quản lý hành chính	33	11.304	6.894	2.520		1.890
3.4	Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	34	24.014	7.387	9.461		7.166
	a- Lương cán bộ trong biên chế	34.01	13.467		7.501		5.966
	b- Phụ cấp cán bộ công đoàn	34.02	8.830	7.387	1.052		391
	c- Các khoản phải nộp theo lương	34.03	1.717		908		809
3.5	Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS	35	255		150		105
3.6	Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB	36	1.900				1.900
	a- Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên TSCĐ	36.01	100				100
	b- Chi mua sắm TSCĐ	36.02	1.800				1.800
	c- Chi đầu tư XDCB	36.03	-				
3.7	Chi khác	37	2.462	2.462	-	-	-
	a- Chi khác	37.01	2.462	2.462			
	b- Kết quả khoán chi	37.02	-				
	CỘNG CHI TCCĐ		93.191	62.378	14.411	-	16.402
3.8	Tài chính công đoàn cấp cho cấp dưới	38	54.168	-	42.629	-	11.539
	a- TCCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối	38.01	45.962		42.629		3.333
	b- TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới	38.02	8.206				8.206
3.9	TCCĐ phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39	21.247	7.035	14.210	-	2
	a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	39.01	2				2
	b- Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	39.02	21.245	7.035	14.210		
3.10	Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập CĐCS	41	-				
3.11	Bàn giao tài chính công đoàn	42	-				
3.12	Các khoản khác giảm nguồn TCCĐ	48	-				
	TỔNG CỘNG CHI		168.606	69.413	71.250	-	27.943
IV	KINH PHÍ DỰ PHÒNG	70	1.541		721		820
V	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II-III-IV)	50	10.598	5.434	371	-	4.793
5.1	Quỹ đầu tư bằng tiền	50.1	705		8		697
5.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	50.2	6.523	5.434	353		736
5.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	50.3	3.370		10		3.360

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Tần Minh Long